+

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 620 /QĐ-UBND	KBang, ngày 20 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ban hành năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 60/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 07/8/2002 của Bộ trưởng Bộ khoa học, công nghệ và môi trường về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật chôn lấp chất thải nguy hại;

Căn cứ Quyết định số 27/2004/QĐ-BXD ngày 09/11/2004 của Bộ Xây dựng về việc ban hành TCXDVN 320:2004 "Bãi chôn lấp chất thải nguy hại".

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của Uỷ ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Kbang, tỉnh Gia Lai ;

Căn cứ Thông báo số 146/TB-UBND ngày 01/8/2012 : Nội dung kết luận của đ/c Trần Vĩnh Hương - Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp thông qua quy hoạch chi tiết xây dựng bãi xử lý rác thải trung tâm và nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện;

Căn cứ Công văn số 160/CCBVMT- TH&ĐTM ngày 31/10/2012 của Chi cục Bảo vệ Môi trường- Sở Tài nguyên và Môi trường V/v bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang nhân dân và quy hoạch chi tiết bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Kbang;

Trên cơ sở hồ sơ thiết kế do Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng Gia Lai lập. Xét Tờ trình số : 77/TT- KT&HT ngày 18 / 11/2012 của phòng Kinh tế và Hạ tầng và Báo cáo thẩm định số 215 /TĐ- KT&HT ngày 16/ 11/2012 của phòng Kinh tế và Hạ tầng ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng bãi xử lý rác thải trung tâm huyện KBang, tỉnh Gia Lai với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch : Quy hoạch chi tiết xây dựng bãi xử lý rác thải trung tâm huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

2. Địa điểm và ranh giới quy hoạch:

2.1. Địa điểm : Thôn 10- Xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

2.2. Ranh giới:

Phía Bắc giáp núi (có rừng).

Phía Nam giáp rừng.

Phía Đông giáp khe suối cạn và giáp rừng.

Phía Tây giáp đường chuyên dùng khai thác quặng .

3. Quy mô quy hoạch : 8,02 ha, tỷ lệ 1 /2000

4. Nội dung quy hoạch :

4.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	**Đất bãi chôn lấp rác thải**	*3,12*	*38,90*
2	**Khu xử lý rác thải**	*0,52*	*6,48*
	Hồ kỵ khí	0,12	
	Hồ hiếu kỵ khí tùy tiện	0,16	
	Bãi lọc thực vật	0,24	
3	**Trạm gác**	*0,05*	*0,62*
4	**Khu nhà điều hành**	*0,12*	*1,50*
5	**Đất dự kiến xây dựng nhà máy xử lý rác thải**	*0,72*	*8,98*
6	**Khu phân loại rác thải**	*0,83*	*10,35*
7	**Đất cây xanh cách ly**	*1,23*	*15,34*
8	**Đất giao thông**	*1,43*	*17,83*
Tổng cộng		**8,02**	**100**

4.2. quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

4.2.1. Quy hoạch giao thông:

Stt	Tên Loại đường	Lòng đường (m)	Lề đường (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)
1	Đường Q.H	5,5	2 x 2	9,5
2	Đường Q.H	5,0	0	5,0

4.2.2. San nền:

Đây là khu vực địa hình tương đối dốc, nên san gạt lớp thực vật và tạo hướng dốc đều theo địa hình.

- Cao độ hiện trạng:
  + Cao độ cao nhất là 583,00 m.
  + Cao độ thấp nhất là 519,00 m.
- Giải pháp san nền:
  + Hướng thoát nước : từ Tây sang Đông và Bắc xuống Nam.
  + Đất đắp tận dụng 80% lượng đất đất đào.
  + Nền đất được san ủi cục bộ từng lô với độ dốc 0,5 - 5,0%
- Cao độ thiết kế :
  + Cao độ thiết kế cao nhất : 582,00 m.
  + Cao độ thiết kế thấp nhất : 519,00 m.
  + Cao độ thiết kế trung bình : 550,77 m.
- Khối lượng san lấp:
  + Tổng diện tích san lấp : 8.020 Ha

+ Thể tích đào : 8.020 m^3

+ Thể tích đắp : 6.416 m^3

4.2.3. Cấp điện

* Giai đoạn đầu:

- Nguồn điện cung cấp cho bải xử lý rác được đấu nối từ trạm biến áp ba pha 22/0,4 KV làng Broch, xã Đông hiện có.

* Giai đoạn xây dựng xong nhà máy xử lý rác:

- Nguồn điện đấu nối vào đường dây 22kV xuất tuyến 471-E43 từ An khê đi xã Tơ Tung hiện có

- Cấp điện công trình đầu mối 100 KW/Ha : P = 100 kW

- Cấp điện chiếu sáng giao thông 7,5 KW : P = 7 KW

Tổng công suất cấp điện : P = 107 KW

Chọn hệ số đồng thời là :K_{dt} = 0,7 , cosφ= 0,8

Dung lượng máy biến áp tính toán : Ptt = 94 KW

Chọn 1 trạm biến áp có công suất 100 KVA 22/0,4 KV.

Bảng thống kê khối lượng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Trạm biến áp 100 KVA 22/0,4 KV	Trạm	01
2	Đường điện 22KV	Km	1,0
3	Đường điện 0,4 KV	Km	0,5
4	Đường điện chiếu sáng giao thông	Km	0,5

4.2.4. Cấp nước :

* Giai đoạn đầu:

- Xây dựng 1 bể chứa nước 30m^3 để chứa nước phục vụ sinh hoạt.

- Nguồn nước: Nước cấp được chở về từ làng Broch, xã Đông bằng xe công trình đô thị.

* Giai đoạn xây dựng xong nhà máy xử lý rác:

- Cấp nước công trình xây dựng 5lit/m^2 : Q = 9 m^3

- Cấp nước tưới cây 3 lit/m^2 : Q = 4 m^3

- Dự phòng rò rỉ : 20% : Q = 3 m^3

- Tổng nhu cầu cấp nước : Q = 16 m^3/ngày đêm

Nguồn nước ngầm dùng giếng khoang D185 sâu 120m cách khu quy hoạch 300m về phía Tây bơm lên thủy đài 30m^3.

Bảng thống kê khối lượng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	ống nhựa HDPE đường kính D75	Km	0,5
2	ống nhựa HDPE đường kính D100	Km	0,4
3	Thủy đài 30m^3, cao 10m	C/T	01
4	Giếng khoang D185 sâu 120m	Bộ	01
5	Van xả D34	Cái	15

4.2.5. Thoát nước và xử lý môi trường:

* Giải pháp công trình xử lý nước mưa:

- Căn cứ vào lưu lượng nước từ các sườn dốc xung quanh chảy vào để thiết kế mương thoát nước mưa. Tiết diện mương đảm bảo khả năng tiêu thoát nước lũ. Kết cấu mương phải đảm bảo bền vững trong suốt quá trình vận hành bãi chôn lấp.

* Giải pháp công trình xử lý nước rác:

- Công trình xử lý nước rác nên bố trí ở khu vực có cao độ thấp hơn khu chôn lấp, lợi dụng độ dốc địa hình để nước rác từ hệ thống thu gom của bãi chôn lấp có thể tự chảy vào các công trình xử lý.

- Khu đất xây dựng công trình xử lý nước rác phải có độ dốc đảm bảo nước rác có thể tự chảy được qua các công trình và thoát nước mưa thuận lợi. Khu đất phải đảm bảo không ngập lụt, có mực nước ngầm thấp.

- Khu đất xây dựng công trình xử lý nước rác phải bố trí ở cuối hướng gió chủ đạo so với khu phụ trợ.

+ Quy hoạch khu đất xây dựng công trình xử lý nước rác phải đảm bảo

+ Khả năng xây dựng theo từng đợt

+ Khả năng mở rộng công suất khi lưu lượng nước rác tăng

+ Thuận lợi cho quản lý và sửa chữa

+ Chiều dài mương dẫn, cống dẫn phải ngắn nhất.

- Xây rãnh thoát nước hình thang, bằng đá hộc chạy dọc theo các trục đường chính và đường lô để thu nước mưa, sau đó dẫn về hệ thống xử lý tập trung ở phía Đông Nam khu quy hoạch.

- Toàn bộ lượng nước mặt và nước rác được được thu gom và đưa về trạm xử lý bằng đường ống PVC -250 đục lổ đường kính 10-20 mm, xử lý đạt tiêu chuẩn loại B - TCVN rồi mới xả ra môi trường tự nhiên.

Bảng thống kê khối lượng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rảnh thoát nước hình thang rộng 600, đáy rộng 300, sâu 400	Km	1,2
2	ống nhựa PVC-D250 thu gom nước rác	Km	0,6
3	Hố lắng xây gạch chống thấm kích thước 800x800x800	*Hố*	06
4	Khu xử lý nước thải	*Khu*	01

5. Đánh giá tác động môi trường:

5.1. Nguồn phát sinh chất thải

Nguồn và mức độ gây ô nhiễm cũng như tác động đến chất lượng môi trường, điều kiện kinh tế, xã hội trong khu vực BCL sẽ khác nhau tùy theo từng giai đoạn của hoạt động chôn lấp "Vòng đời" của một Bãi chôn lấp (BCL) bao gồm các giai đoạn sau:

+ Chuẩn bị mặt bằng

+ Xây dựng BCL

+ Vận hành BCL

+ Đóng BCL

Theo từng giai đoạn, các hoạt động diễn ra khác nhau nên yếu tố tác động đến môi trường và nguồn gây ô nhiễm cũng sẽ thay đổi.

5.1.1 Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng xây dựng BCL

Trong giai đoạn chuẩn bị, công tác chủ yếu là san lấp chuẩn bị mặt bằng, do đất thu hồi từ bải khai thác khoáng sản nên không gặp khó khăn trong khâu đền bù và giải phóng mặt bằng.

5.1.2. Giai đoạn xây dựng Bãi chôn lấp (BCL)

Các nguồn gây ô nhiễm trong giai đoạn xây dựng được tóm tắt dưới đây:

*** Khí thải**

- Bụi từ các hoạt động đào đắp và vận chuyển đất đá;

- Khí thải (SO_x, NO_x, CO, CO_2,...) từ các xe vận chuyển và thiết bị thi công;

- Các loại khí thải từ BCL cũ;
- Tiếng ồn và rung do hoạt động của các thiết bị thi công và vận chuyển.

*** Chất thải rắn**

- Đất đá, xà bần của BCL cũ, đất nguyên thủy và bùn ao hồ;
- Rác từ cây cối, cỏ dại,... trong khu vực thi công;
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng.

*** Nước thải**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng;
- Nước thải từ quá trình rửa xe vận chuyển đất;
- Nước đọng từ quá trình thi công và nước mưa phải bơm ra ngoài.

*** Các tác động khác**

- Ảnh hưởng đến hoạt động giao thông;
- An toàn lao động cho công nhân xây dựng;
- Ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong khu vực đào đắp và xây dựng BCL;
- Thay đổi cảnh quan khu vực;
- Sinh hoạt của công nhân xây dựng ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, xã hội, trật tự, an ninh khu vực.

5.1.3. Giai đoạn vận hành BCL

Các nguồn ô nhiễm chính trong giai đoạn vận hành :

*** Nước thải**

- Nước rỉ rác từ BCL;
- Nước rỉ rác trong khu vực bô đổ rác tạm thời;
- Nước rỉ rác trong các xe chở rác;
- Nước rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi BCL;
- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng, công nhân vận hành BCL và những người nhặt rác ở bô rác tạm;
- Nước rỉ rác đã xử lý;
- Nước mưa từ các hố chôn lấp đang xây dựng.

*** Khí thải**

- Khí BCL từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ (principal gas) và các chất hữu cơ độc hại khác (trace gas);
- Khí thải từ bô đổ rác tạm thời;
- Khí thải và tiếng ồn do xe chở rác và các loại xe máy vận hành;
- Bụi và chất thải rắn bị cuốn theo gió;
- Bụi từ các hoạt động đào đắp và vận chuyển đất đá;
- Khí thải từ các xe vận chuyển vật liệu xây dựng và đất đá;
- Tiếng ồn và rung do hoạt động của các thiết bị thi công và xe vận chuyển.

*** Chất thải rắn**

- Đất đá, xà bần của BCL cũ, đất nguyên thủy và bùn ao hồ;
- Rác từ cây cối, cỏ dại,... trong khu vực thi công;
- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ và công nhân vận hành;
- Rác từ chính BCL phân tán vào môi trường do gió.

*** Các tác động khác**

- Nguy cơ cháy nổ khu vực BCL;
- Các vấn đề liên quan đến vệ sinh và an toàn lao động cho công nhân vận hành và những người nhặt rác;
- Các vấn đề xã hội đối với người nhặt rác không được vào BCL;
- Ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh do tăng mật độ giao thông, gây bụi, ồn và nguy cơ gây tai nạn;

- Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng do tạo môi trường sinh trưởng ruồi nhặng và những sinh vật gây bệnh;

- Tệ nạn xã hội do tập trung đông đúc lực lượng nhặt rác trong khu vực BCL và những người lái xe và phụ lái.

5.1.4. Giai đoạn đóng cửa BCL

Các nguồn gây ô nhiễm chính trong giai đoạn đóng cửa BCL như sau:

*** Nước thải**

Tất cả các nguồn gây ô nhiễm tương tự giai đoạn vận hành BCL nếu không thiết kế, lắp đặt và vận hành hợp lý lớp che phủ cuối cùng, hệ thống thoát nước bề mặt, hệ thống thu gom và xử lý nước rò rỉ.

*** Khí thải**

- Tất cả nguồn gây ô nhiễm tương tự giai đoạn vận hành BCL nếu không thiết kế, lắp đặt và vận hành hợp lý hệ thống thu và xử lý khí BCL;
- Khí thải từ trạm phát điện.

*** Các tác động khác**

- Sự sụt lún BCL;
- Nguy cơ phát cháy và phân tán khí độc hại từ BCL đã đóng cửa.
- Ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng của cây trồng trên vùng đất đã chôn lấp;
- Dân cư lấn chiếm bất hợp pháp vùng BCL đã hoàn thành.

(Hồ sơ đánh giá tác động môi trường sẽ được trình thẩm định và phê duyệt của cấp có thẩm quyền khi triển khai dự án đầu tư)

Điều 2. Giao cho phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với các phòng ban liên quan, UBND xã Đông tổ chức công bố, cắm mốc quy hoạch và triển khai quy hoạch theo đúng qui định hiện hành của pháp luật.

Điều 3 . Các ông Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng : Tài Chính- Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên- Môi Trường, Ban quản lý Công trình đô thị, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Kbang , UBND xã Đông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

(Dấu: UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN K BANG - TỈNH GIA LAI)

Trần Minh Hường

Nơi nhận :
- Như điều 3 ;
- Lưu VP,VT,TH.